



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NĂM 2022

Phụ lục 1

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2
KỶ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC ĐÔNG
NAM BỘ VÀ MỘT SỐ CHI CỤC TẠI TP. HỒ CHÍ MINH NĂM 2022

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phòng vấn

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
CÁC CHI CỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH												
	CHI CỤC CNTT											
1	CNTT14	Phạm Hoàng Tuấn	Anh	27-4-1987		CV PTPM	39/60	16/30	Đạt	Bàn 1	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
2	CNTT15	Nguyễn Đức	Đình	15-09-1988		CV PTPM	36/60	19/30	Đạt			
3	CNTT17	Nguyễn Thanh	Phương		19-04-1985	CV PTPM	30/60	12/30	Không đạt			
4	CNTT18	Phạm Tiến	Trung	08-10-1989		CV PTPM	29/60	0/30	Không đạt			
5	CNTT16	Trần Hữu Nhất	Duy	06-12-1991		CV PTPM	0/60	0/30	Vắng			
CHI CỤC QUẢN TRỊ												
	Vị trí Chuyên viên xây dựng											
1	XD01	Cao Trọng	Nghĩa	15-01-1996		CV XD	31/60	23/30	Đạt	Bàn 1	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
2	XD02	Nguyễn Duy	Thanh	20-09-1985		CV XD	35/60	Miễn	Đạt			
3	XD04	Nguyễn Cao	Trí	02-02-1999		CV XD	33/60	15/30	Đạt			
4	XD05	Nguyễn Phúc Hải	Triều	01-01-1983		CV XD	41/60	21/30	Đạt			
5	XD03	Nguyễn Hoàng	Thế	27-03-1985		CV XD			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
Vị trí Chuyên viên nghiệp vụ												
1	NV1057	Nguyễn Cự	Mười	23-09-1997		CVNV	31/60	15/30	Đạt	Bàn 1	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
2	NV1059	Phạm Xuân	Trang		24-11-1991	CVNV	41/60	25/30	Đạt			
3	NV1058	Đặng Đức	Thọ	15-06-1994		CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG												
1	NV0977	Bùi Thị Ngọc	Diệp		02-03-1989	CVNV	41/60	29/30	Đạt	Bàn 1	Ca 2, từ 09h00 - 12h00	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
2	NV0980	Nguyễn Thị Kim	Hoàn		20-09-1988	CVNV	37/60	24/30	Đạt			
3	NV0988	Nguyễn Hữu	Nhân	24-10-1996		CVNV	41/60	25/30	Đạt			
4	NV0989	Lê Văn	Nhật	16-11-1997		CVNV	36/60	25/30	Đạt			
5	NV0990	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như		01-01-1993	CVNV	39/60	27/30	Đạt			
6	NV0991	Nguyễn Thị Mai	Phương		16-07-1991	CVNV	40/60	29/30	Đạt			
7	NV0996	Đào Diễm	Thanh		02-01-1986	CVNV	39/60	24/30	Đạt			
8	NV0997	Trần Kim	Thanh		18-09-1990	CVNV	32/60	25/30	Đạt			
9	NV0998	Trương Thị Minh	Thư		30-12-1997	CVNV	39/60	23/30	Đạt			
10	NV0999	Trương Thị Thu	Thuần		10-05-1992	CVNV	34/60	15/30	Đạt			
11	NV1001	Bùi Mai Thanh	Truyền		14-01-1999	CVNV	39/60	27/30	Đạt			
12	NV1002	Nguyễn Thị	Vân		16-01-1989	CVNV	37/60	21/30	Đạt			
13	NV0979	Nguyễn Hoàng	Hiệp	12-07-2000		CVNV	21/60	22/30	Không đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
14	NV0984	Phan Tuyết	Ngân		19-06-1992	CVNV	23/60	23/30	Không đạt			
15	NV0992	Vương Thị	Phương		04-05-1998	CVNV	28/60	21/30	Không đạt			
16	NV1000	Lê Thị Cẩm	Tiên		16-06-1997	CVNV	25/60	15/30	Không đạt			
17	NV1003	Lê Thị	Vẹn		29-06-1988	CVNV	34/60	10/30	Không đạt			
18	NV0978	Nguyễn Thị Thúy	Hiền		21-05-1998	CVNV			Vắng			
19	NV0981	Nguyễn Bảo	Huy	17-04-1993		CVNV			Vắng			
20	NV0982	Nguyễn Thanh Hoàng	My		04-07-1997	CVNV			Vắng			
21	NV0983	Phạm Thị Hạnh	Ngà		07-10-1990	CVNV			Vắng			
22	NV0985	Nguyễn Thị Cẩm	Ngọc		07-07-1987	CVNV			Vắng			
23	NV0986	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc		29-03-2000	CVNV			Vắng			
24	NV0987	Đặng Thị Thanh	Nhân		01-03-1996	CVNV			Vắng			
25	NV0993	Huỳnh Xuân	Quốc	27-03-1990		CVNV			Vắng			
26	NV0994	Đào Thùy	Quỳnh		07-04-1987	CVNV			Vắng			
27	NV0995	Nguyễn Ngọc Thanh	Tân	13-11-1993		CVNV			Vắng			
28	NV1004	Nguyễn Thị Tường	Vi		17-07-1997	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH BÌNH THUẬN												
1	NV0891	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		10-8-1992	CVNV	41/60	22/30	Đạt	Bàn 2	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
2	NV0892	Huỳnh Trúc	Hạ		24-8-1993	CVNV	35/60	16/30	Đạt			
3	NV0894	Nguyễn Thị Ngọc	Linh		21-8-1993	CVNV	33/60	16/30	Đạt			
4	NV0895	Hà Như	Ngọc		05-4-1992	CVNV	42/60	25/30	Đạt			
5	NV0897	Huỳnh Thị Yến	Nhi		10-9-1992	CVNV	44/60	19/30	Đạt			
6	NV0899	Bùi Thị Hà	Phương		03-4-2000	CVNV	47/60	28/30	Đạt			
7	NV0900	Tiểu Hoa	Quỳnh		16-6-1994	CVNV	43/60	27/30	Đạt			
8	NV0905	Trang Thị Thủy	Trinh		20-11-1992	CVNV	37/60	22/30	Đạt			
9	NV0906	Mai Thị Thanh	Trúc		18-01-1992	CVNV	43/60	25/30	Đạt			
10	NV0898	Lê Nguyễn An	Nhuyên		26-5-1996	CVNV	19/60	20/30	Không đạt			
11	NV0901	Trương Thị Phương	Tiên		23-10-1996	CVNV	24/60	21/30	Không đạt			
12	NV0893	Nguyễn Thị Thanh	Hương		23-9-1995	CVNV			Vắng			
13	NV0896	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi		27-4-1995	CVNV			Vắng			
14	NV0902	Huỳnh Duy	Tiến	29-9-1985		CVNV			Vắng			
15	NV0903	Hoàng Thị Thanh	Thủy		09-8-1998	CVNV			Vắng			
16	NV0904	Nguyễn Ngọc	Thúy		17-5-1994	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH ĐỒNG NAI												
1	NV1005	Nguyễn Viết Tuấn	Anh	30-05-1992		CVNV	39/60	23/30	Đạt	Bàn 2	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
2	NV1009	Bùi Hoài	Đức	06-10-1995		CVNV	41/60	18/30	Đạt			
3	NV1010	Bùi Thanh Trúc	Giang		04-11-1989	CVNV	35/60	21/30	Đạt			
4	NV1012	Phan Thị Thu	Hậu		24-05-1990	CVNV	36/60	17/30	Đạt			
5	NV1013	Nguyễn Thị	Hiền		10-10-1999	CVNV	40/60	22/30	Đạt	Bàn 2	Ca 2, từ 09h00 - 12h00	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
6	NV1014	Trần Phạm Việt	Hoàng	12-10-1986		CVNV	49/60	Miễn	Đạt			
7	NV1016	Vũ Thị Thu	Huyền		22/5/1991	CVNV	41/60	18/30	Đạt			
8	NV1018	Nguyễn Đăng	Khánh	18-10-1996		CVNV	35/60	28/30	Đạt			
9	NV1020	Phạm Thị	Nga		24-03-1999	CVNV	43/60	18/30	Đạt			
10	NV1022	Nguyễn Thị Khánh	Như		10-10-1987	CVNV	42/60	25/30	Đạt			
11	NV1025	Nguyễn Thị Thanh	Thúy		18-08-1986	CVNV	30/60	21/30	Đạt			
12	NV1026	Nguyễn Ngọc Đan	Thy		02-12-1996	CVNV	45/60	29/30	Đạt			
13	NV1029	Nguyễn Thị	Tuyền		12-03-1993	CVNV	39/60	23/30	Đạt			
14	NV1030	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		01-04-1996	CVNV	45/60	22/30	Đạt			
15	NV1031	Lê Thanh	Vân		26-04-1991	CVNV	31/60	21/30	Đạt			
16	NV1033	Nguyễn Thị	Vui		12-10-1990	CVNV	49/60	23/30	Đạt			
17	NV1008	Đặng Kỳ	Duyên		22-09-1994	CVNV	29/60	18/30	Không đạt			
18	NV1017	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		02/11/1996	CVNV	31/60	14/30	Không đạt			
19	NV1019	Hoàng Thị	Loan		21-04-1991	CVNV	34/60	14/30	Không đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
20	NV1021	Hồ Văn	Nhân	01-06-1991		CVNV	37/60	14/30	Không đạt			
21	NV1023	Nguyễn Thị Thu	Thảo		09-08-1995	CVNV	26/60	17/30	Không đạt			
22	NV1006	Hoàng Thị	Bé		05-05-1992	CVNV			Vắng			
23	NV1007	Khru Huỳnh Khương	Duy	06-11-1994		CVNV			Vắng			
24	NV1011	Phạm Thị Thu	Hằng		22-07-1991	CVNV			Vắng			
25	NV1015	Nguyễn Thị Thanh	Hương		22/7/1985	CVNV			Vắng			
26	NV1024	Phạm Thị Hoài	Thương		25-09-1995	CVNV			Vắng			
27	NV1027	Trần Thị Kim	Trang		17-05-1996	CVNV			Vắng			
28	NV1028	Lý Minh	Trang		17-08-1991	CVNV			Vắng			
29	NV1032	Lê Quang	Vinh	04-12-1985		CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH LONG AN												
1	NV0929	Dương Âu Bạch	Hải	21-05-1994		CVNV	40/60	23/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
2	NV0930	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		01/01/1988	CVNV	43/60	23/30	Đạt			
3	NV0934	Trần Thị Huỳnh	Nga		07-09-2000	CVNV	47/60	24/30	Đạt			
4	NV0935	Nguyễn Thị Yến	Như		06-05-1992	CVNV	38/60	24/30	Đạt			
5	NV0936	Nguyễn Thị Tuyết	Phương		04-03-1989	CVNV	36/60	Miễn	Đạt			
6	NV0937	Huỳnh Trang Thủy	Tiên		12-01-1992	CVNV	43/60	Miễn	Đạt			
7	NV0938	Lê Thị Thanh	Tuyền		01-07-1991	CVNV	45/60	25/30	Đạt			
8	NV0939	Phạm Văn	Thiện	25-07-1997		CVNV	45/60	26/30	Đạt			
9	NV0941	Nguyễn Hữu	Trí	31-8-1989		CVNV	45/60	28/30	Đạt			
10	NV0933	Dương Thị Thanh	Huế		20-09-1989	CVNV	30/60	13/30	Không đạt			
11	NV0942	Võ Lan	Vy		23-03-1993	CVNV	28/60	18/30	Không đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
12	NV0928	Nguyễn Thúy	Diễm		02/01/1990	CVNV			Vắng			
13	NV0931	Phạm Thị Ngọc	Hân		07-01-1993	CVNV			Vắng			
14	NV0932	Phạm Võ Ngọc	Hân		21-11-1997	CVNV			Vắng			
15	NV0940	Thái Thị Mỹ	Thịnh		05-12-1998	CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU												
1	NV0943	Lê Hải	Anh		14-11-1999	CVNV	36/60	29/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
2	NV0946	Nguyễn Thị	Diệp		07/02/1988	CVNV	40/60	25/30	Đạt			
3	NV0947	Tổng Mỹ	Duyên		12-03-1994	CVNV	43/60	28/30	Đạt			
4	NV0948	Nguyễn Thị Trà	Giang		31-10-1996	CVNV	32/60	26/30	Đạt			
5	NV0949	Nguyễn Thị	Hà		03-05-1990	CVNV	42/60	26/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
6	NV0950	Lê Ngân	Hà		11-03-1993	CVNV	43/60	Miễn	Đạt			
7	NV0951	Lê Thị Thu	Hiền		06-09-1984	CVNV	32/60	15/30	Đạt			
8	NV0953	Đinh Bá	Lâm	01-08-1994		CVNV	35/60	27/30	Đạt			
9	NV0954	Hồ Thị Thanh	Lan		07/02/1992	CVNV	36/60	22/30	Đạt			
10	NV0956	Trịnh Thị Hồng	Ngọc		19-03-1989	CVNV	46/60	25/30	Đạt			
11	NV0957	Trần Thị Bảo	Ngọc		05-08-1988	CVNV	35/60	19/30	Đạt			
12	NV0958	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		01-03-1990	CVNV	45/60	19/30	Đạt			
13	NV0959	Bùi Thị Thúy	Quỳnh		30-12-1991	CVNV	36/60	24/30	Đạt			
14	NV0960	Nguyễn Thị Xuân	Thùy		10-08-1994	CVNV	46/60	22/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
15	NV0961	Nguyễn Thu Thủy		09-10-1985	CVNV	44/60	24/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
16	NV0962	Trương Thị Minh Trí		24-03-1989	CVNV	31/60	15/30	Đạt			
17	NV0963	Nguyễn Thị Thanh Trúc		16-11-1991	CVNV	46/60	28/30	Đạt			
18	NV0952	Nguyễn Thị Thu Huyền		02-09-1998	CVNV	25/60	20/30	Không đạt			
19	Nv0944	Nguyễn Thị Vân Anh		11-10-1992	CVNV			Vắng			
20	NV0945	Hoàng Ngọc Mai Anh		21-08-1999	CVNV			Vắng			
21	NV0955	Dương Thị Hoài Linh		16-06-1993	CVNV			Vắng			
22	NV0964	Lê Thanh Tuấn	23-08-1985		CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC											
1	NV0965	Đặng Mai Anh		26-01-2000	CVNV	31/60	29/30	Đạt	Bàn 2	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
2	NV0966	Võ Xuân Dũng	10-06-1998		CVNV	42/60	28/30	Đạt			
3	NV0967	Trần Thị Phương Duyên		02-12-1998	CVNV	35/60	28/30	Đạt			
4	NV0968	Nguyễn Phước Phú Hào	09-05-1998		CVNV	42/60	22/30	Đạt			
5	NV0971	Bùi Đoàn Danh Hoàng		30-12-1991	CVNV	40/60	22/30	Đạt			
6	NV0973	Đỗ Thị Mai		19-02-1989	CVNV	32/60	21/30	Đạt			
7	NV0974	Lê Thị Mơ		19-02-1992	CVNV	34/60	16/30	Đạt			
8	NV0975	Tăng Hồng Nhung		17-07-2000	CVNV	36/60	23/30	Đạt			
9	NV0976	Nguyễn Thị Thanh Sương		12-02-1987	CVNV	38/60	26/30	Đạt			
10	NV0972	Huỳnh Quang Lộc	24-04-1991		CVNV	23/60	10/30	Không đạt			
11	NV0969	Nguyễn Thị Thu Hiền		27-02/1998	CVNV			Vắng			
12	NV0970	Đoàn Thị Thu Hiền		28-10-1995	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
	NHNN CHI NHÁNH TIỀN GIANG											
1	NV1034	Huỳnh Châu Gia	Bảo	02-01-1997		CVNV	30/60	29/30	Đạt	Bàn 2	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
2	NV1036	Mai Ngọc	Diễm		02-11-1991	CVNV	40/60	18/30	Đạt			
3	NV1037	Trần Thị Hoàng	Diệu		13-08-1990	CVNV	50/60	27/30	Đạt			
4	NV1039	Võ Thị Hồng	Gấm		17-02-1990	CVNV	33/60	18/30	Đạt			
5	NV1041	Phạm Nguyễn Ngọc	Hân		01-01-1999	CVNV	32/60	21/30	Đạt			
6	NV1042	Võ Xuân	Hương		12-03-1988	CVNV	30/60	19/30	Đạt			
7	NV1043	Lê Thị Trúc	Linh		28-12-1992	CVNV	41/60	15/30	Đạt	Bàn 2	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
8	NV1045	Lê Thị Thanh	Nghị		27-04-1995	CVNV	34/60	22/30	Đạt			
9	NV1046	Huỳnh Trung	Nhân	19-05-1999		CVNV	35/60	24/30	Đạt			
10	NV1052	Nguyễn Thị Lệ	Thu		08-12-1985	CVNV	46/60	24/30	Đạt			
11	NV1053	Lê Thị Thùy	Trang		25-03-1999	CVNV	35/60	23/30	Đạt			
12	NV1055	Phạm Hoàng Mộng	Tuyết		11-12-1995	CVNV	37/60	17/30	Đạt			
13	NV1056	Tạ Thị Tường	Vi		04-01-1997	CVNV	31/60	23/30	Đạt			
14	NV1038	Trần Hải	Đăng	05-05-1989		CVNV	27/60	0/30	Không đạt			
15	NV1044	Trần Võ Kim	Ngân		12-12-1990	CVNV	26/60	12/30	Không đạt			
16	NV1049	Nguyễn Thị Bé	Thảo		25-11-1996	CVNV	34/60	12/30	Không đạt			
17	NV1035	Ngô Thị Hồng	Diễm		31-08-2000	CVNV			Vắng			
18	NV1040	Trần Thị Gia	Hạnh		21-11-1984	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
19	NV1047	Nguyễn Tuyết	Nhung		17-09-1991	CVNV			Vắng			
20	NV1048	Nguyễn Thị Minh	Phượng		11-06-2000	CVNV			Vắng			
21	NV1050	Nguyễn Thụy Hồng	Thảo		29-01-1995	CVNV			Vắng			
22	NV1051	Trần Hoàng Phương	Thảo		14-12-1991	CVNV			Vắng			
23	NV1054	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		25-04-1985	CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH TÂY NINH												
1	NV0907	Vương Thị Hồng	Diễm		09-06-1996	CVNV	38/60	27/30	Đạt	Bàn 2	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 08/10/2022
2	NV0909	Trần Bảo	Hân		1/11/1985	CVNV	36/60	28/30	Đạt			
3	NV0910	Nguyễn Thị Phương	Hiền		08-04-1992	CVNV	38/60	Miễn	Đạt			
4	NV0913	Đinh Thị Mỹ	Linh		24-01-1996	CVNV	45/60	25/30	Đạt			
5	NV0916	Hà Phạm Phương	Ngân		30-03-1998	CVNV	30/60	21/30	Đạt			
6	NV0922	Vũ Khánh	Trình		13-11-1991	CVNV	47/60	23/30	Đạt			
7	NV0927	Lê Thị Thảo	Vy		08-04-2000	CVNV	31/60	28/30	Đạt			
8	NV0908	Khuru Thị Minh	Duy		26-04-1988	CVNV	33/60	11/30	Không đạt			
9	NV0912	Đỗ Hồ Đăng	Khoa	05-01-1992		CVNV	38/60	13/30	Không đạt			
10	NV0920	Lê Thị Kim	Thùy		19-11-1991	CVNV	31/60	13/30	Không đạt			
11	NV0911	Mai Cẩm	Hồng		17-07-1996	CVNV			Vắng			
12	NV0914	Mai Thị Kim	Loan		28-08-1990	CVNV			Vắng			
13	NV0915	Trần Thảo	Mi		29-09-1994	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
14	NV0917	Thị Bô	Pha		24-08-1999	CVNV			Vắng			
15	NV0918	Phan Ngọc Xuân	Phương		04-12-1995	CVNV			Vắng			
16	NV0919	Trương Thị Bằng	Thư		10-05-1988	CVNV			Vắng			
17	NV0921	Lý Bảo	Trần		24-07-1998	CVNV			Vắng			
18	NV0923	Trần Thanh	Tú	22-10-1992		CVNV			Vắng			
19	NV0924	Trần Thanh	Tú	10-03-1995		CVNV			Vắng			
20	NV0925	Lê Phương	Uyên		08-07-1994	CVNV			Vắng			
21	NV0926	Dương Nữ Hạnh	Vy		09-01-1992	CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH												
1	NV0689	Tổng Thị Ngọc	Anh		19-02-1985	CVNV	41/60	26/30	Đạt	Bàn 1	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
2	NV0690	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh		21-07-1999	CVNV	32/60	28/30	Đạt			
3	NV0692	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		12-02-1991	CVNV	38/60	19/30	Đạt			
4	NV0696	Sỹ Vĩnh	Cương	18-11-1996		CVNV	37/60	22/30	Đạt			
5	NV0697	Lê Hữu	Cường	02-01-1990		CVNV	39/60	24/30	Đạt			
6	NV0698	Trương Thắng Phương	Đài	10-06-1991		CVNV	44/60	29/30	Đạt			
7	NV0699	Lê Văn Chánh	Đạt	20-07-1989		CVNV	49/60	26/30	Đạt			
8	NV0700	Bùi Tiến	Đạt	11-05-1998		CVNV	41/60	25/30	Đạt	Bàn 1	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
9	NV0701	Văn Công	Đạt	06-04-1997		CVNV	37/60	22/30	Đạt			
10	NV0703	Nguyễn Thị Minh	Đức		28-9-1990	CVNV	43/60	26/30	Đạt			
11	NV0705	Đoàn Minh	Đức	25-09-1996		CVNV	31/60	24/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
12	NV0707	Đỗ Xuân	Dũng	18-05-1995		CVNV	44/60	27/30	Đạt			
13	NV0709	Võ Khánh	Dương	16-07-1992		CVNV	45/60	26/30	Đạt			
14	NV0710	Bùi Đức	Duy	24-11-1993		CVNV	35/60	26/30	Đạt	Bàn 1	Ca 2, từ 09h00 - 12h00	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
15	NV0713	Lưu Nguyễn Hồng	Duyên		20-07-1993	CVNV	31/60	24/30	Đạt			
16	NV0714	Huỳnh Thị	Duyên		25-09-1991	CVNV	42/60	28/30	Đạt			
17	NV0715	Lê Thị Trà	Giang		08-03-1994	CVNV	33/60	26/30	Đạt			
18	NV0717	Trần Thị	Giang		30-01-1997	CVNV	41/60	23/30	Đạt			
19	NV0719	Nguyễn Ngọc Hương	Giang		14-03-1991	CVNV	30/60	27/30	Đạt			
20	NV0720	Nguyễn Thu	Hà		25-01-2000	CVNV	44/60	25/30	Đạt			
21	NV0722	Lê Thu	Hà		24-12-1994	CVNV	44/60	23/30	Đạt			
22	NV0723	Phan Hoàng	Hải	17-07-1993		CVNV	38/60	29/30	Đạt			
23	NV0724	Doãn Hoàng	Hải	09-05-1992		CVNV	38/60	28/30	Đạt			
24	NV0725	Phạm Khắc	Hải	29-03-1996		CVNV	38/60	22/30	Đạt			
25	NV0727	Ngô Thị Thanh	Hằng		22-01-1996	CVNV	39/60	24/30	Đạt			
26	NV0728	Nguyễn Thị Thu	Hằng		04-11-1993	CVNV	40/60	24/30	Đạt			
27	NV0730	Cao Phương	Hạnh		24-07-1986	CVNV	38/60	29/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
28	NV0731	Lê Thị Minh	Hạnh		30-03-1996	CVNV	33/60	Miễn	Đạt			
29	NV0732	Lê Thị Hồng	Hạnh		20-11-2000	CVNV	33/60	25/30	Đạt			
30	NV0733	Nguyễn Anh	Hào	26/01/1989		CVNV	35/60	22/30	Đạt			
31	NV0735	Trần Ngô Vinh	Hiển	17-04-1998		CVNV	30/60	30/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
32	NV0738	Đỗ Thị	Hoa		06-02-1991	CVNV	38/60	27/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
33	NV0743	Đinh Thị	Hồng		14-03-1991	CVNV	34/60	17/30	Đạt			
34	NV0747	Trần Thị	Hương		20-05-1993	CVNV	39/60	26/30	Đạt			
35	NV0748	Nguyễn Lan	Hương		17-03-1998	CVNV	33/60	24/30	Đạt			
36	NV0751	Bùi Thị Thúy	Hường		25-09-1996	CVNV	47/60	28/30	Đạt			
37	NV0756	Lê Thị Thanh	Huyền		20-08-1994	CVNV	34/60	16/30	Đạt			
38	NV0757	Huỳnh Lê	Khôi	CVNV	22-08-1993	CVNV	41/60	29/30	Đạt			
39	NV0760	Vũ Thị	Lan		07-06-1992	CVNV	42/60	24/30	Đạt			
40	NV0761	Lê Thị	Lan		06-09-1988	CVNV	37/60	25/30	Đạt			
41	NV0762	Vương Thị Hoa Hồng	Lịch		20-03-1992	CVNV	39/60	19/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
42	NV0764	Lê Thị Mỹ	Linh		20-8-1999	CVNV	41/60	18/30	Đạt			
43	NV0765	Huỳnh Thị Mỹ	Linh		24-09-1994	CVNV	34/60	21/30	Đạt			
44	NV0767	Nguyễn Lê Hà	Linh		03-07-2000	CVNV	35/60	21/30	Đạt			
45	NV0769	Đỗ Hải	Ly		25-01-1998	CVNV	35/60	19/30	Đạt			
46	NV0770	Khổng Thiên	Lý		08-09-1989	CVNV	45/60	24/30	Đạt			
47	NV0771	Nguyễn Thanh	Mai		11-09-1991	CVNV	37/60	Miễn	Đạt			
48	NV0772	Nguyễn Thị Thanh	Mai		10-11-1994	CVNV	34/60	26/30	Đạt			
49	NV0773	Phan Thị Thanh	Mai		14-07-1981	CVNV	31/60	26/30	Đạt			
50	NV0775	Trần Thị Thanh	Mai		05-07-1996	CVNV	30/60	26/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
51	NV0776	Trần Vũ Thiện	Minh		19-05-1989	CVNV	33/60	29/30	Đạt			
52	NV0777	Nguyễn Công	Minh	06-10-1992		CVNV	48/60	25/30	Đạt			
53	NV0778	Phan Thảo	My		08-11-1990	CVNV	32/60	28/30	Đạt			
54	NV0779	Trần Thị Diễm	My		11-12-1995	CVNV	43/60	25/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
55	NV0783	Nguyễn Hải	Ngân		02-06-1999	CVNV	36/60	22/30	Đạt			
56	NV0788	Lê Hữu	Nghĩa	10-06-1987		CVNV	34/60	28/30	Đạt	Bàn 2	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
57	NV0789	Ngô Cao	Nghĩa	14-04-1990		CVNV	34/60	Miễn	Đạt			
58	NV0792	Tạ Thảo	Ngọc		15-01-1997	CVNV	41/60	28/30	Đạt			
59	NV0794	Phạm Thị Thảo	Nguyên		01-01-1992	CVNV	39/60	23/30	Đạt			
60	NV0797	Nguyễn Vũ Hoài	Nhân		16-8-1994	CVNV	43/60	29/30	Đạt			
61	NV0802	Đoàn Quỳnh	Như		04-03-1987	CVNV	47/60	27/30	Đạt			
62	NV0803	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		11-02-1989	CVNV	39/60	29/30	Đạt			
63	NV0805	Lê Hồng	Nhung		14-09-1991	CVNV	50/60	Miễn	Đạt			
64	NV0806	Lưu Khánh	Ninh	01-10-1995		CVNV	42/60	22/30	Đạt			
65	NV0807	Nguyễn Thị	Nữ		26-10-1994	CVNV	48/60	25/30	Đạt			
66	NV0808	Bạch Thị Thục	Oanh		02-09-1992	CVNV	37/60	26/30	Đạt			
67	NV0812	Tổng Thanh	Phương		10-05-1993	CVNV	40/60	22/30	Đạt			
68	NV0813	Lê Thị Ngọc	Phương		01-10-1984	CVNV	37/60	20/30	Đạt			
69	NV0819	Trần Thị	Quy		06/12/1992	CVNV	42/60	23/30	Đạt	Bàn 2	Ca 2, từ 09h00 - 12h00	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
70	NV0822	Nguyễn Thanh	Tân	02-04-1997		CVNV	40/60	25/30	Đạt			
71	NV0823	Ngô Quang	Thái	25/10/2000		CVNV	41/60	26/30	Đạt			
72	NV0825	Vương Huệ	Thanh		27-09-1991	CVNV	40/60	22/30	Đạt			
73	NV0826	Nguyễn Xuân	Thành	28-11-1982		CVNV	31/60	18/30	Đạt			
74	NV0828	Đào Thị Phước	Thảo		18-04-1990	CVNV	52/60	26/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
75	NV0829	Lê Phương	Thảo		22-05-1997	CVNV	45/60	25/30	Đạt	Bàn 2	Ca 2, từ 09h00 - 12h00	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
76	NV0830	Trần Thị Thu	Thảo		01-09-1997	CVNV	43/60	24/30	Đạt			
77	NV0831	Nguyễn Trần Phương	Thảo		25-03-1990	CVNV	35/60	22/30	Đạt			
78	NV0832	Lê Nguyễn Thành	Thật	22-08-1998		CVNV	35/60	19/30	Đạt			
79	NV0833	Nguyễn Ngọc	Thiện	26-08-1996		CVNV	40/60	27/30	Đạt			
80	NV0834	Nguyễn Thị	Thơm		18/01/1990	CVNV	44/60	28/30	Đạt			
81	NV0836	Lương Thị Kim	Thuận		04-07-1983	CVNV	42/60	24/30	Đạt	Bàn 2	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
82	NV0841	Trương Thị Thanh	Thúy		09-06-1989	CVNV	31/60	27/30	Đạt			
83	NV0842	Nguyễn Thị Phương	Thúy		01-08-1992	CVNV	37/60	25/30	Đạt			
84	NV0843	Võ Phan Như	Thúy		02-06-1991	CVNV	35/60	21/30	Đạt			
85	NV0844	Lê Phước Vĩnh	Thụy	05-04-1986		CVNV	49/60	27/30	Đạt			
86	NV0847	Nguyễn Thị Huyền	Trần		28-10-1987	CVNV	51/60	25/30	Đạt			
87	NV0848	Lý Ngọc	Trần		21-02-1991	CVNV	44/60	29/30	Đạt			
88	NV0850	Nguyễn Hoàng Hương	Trang		13-09-1993	CVNV	53/60	27/30	Đạt			
89	NV0852	Trần Thị Huyền	Trang		21-05-1993	CVNV	42/60	26/30	Đạt			
90	NV0854	Trần Thị Thu	Trang		11-09-1985	CVNV	32/60	28/30	Đạt			
91	NV0855	Phạm Thị Ngọc	Trang		07-08-1983	CVNV	43/60	29/30	Đạt	Bàn 2	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
92	NV0856	Phan Thị Diệu	Trang		31-08-1986	CVNV	33/60	24/30	Đạt			
93	NV0857	Phạm Đắc	Trí	27-04-1989		CVNV	30/60	22/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
94	NV0860	Phạm Hà Minh	Trung	24-09-1996		CVNV	33/60	26/30	Đạt			
95	NV0861	Nguyễn Khánh	Trung	08-03-1991		CVNV	47/60	25/30	Đạt			
96	NV0862	Phạm Trương Minh	Trung	11-05-1998		CVNV	32/60	28/30	Đạt			
97	NV0863	Nguyễn Xuân	Trường	06-10-1995		CVNV	47/60	29/30	Đạt	Bàn 2	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
98	NV0865	Nguyễn Đoàn Anh	Tú	18-10-2000		CVNV	32/60	29/30	Đạt			
99	NV0870	Nguyễn Vũ Anh	Tuấn	29-10-1997		CVNV	37/60	29/30	Đạt			
100	NV0871	Triệu Anh	Tuấn	13-01-1988		CVNV	33/60	25/30	Đạt			
101	NV0872	Trần Anh	Tuấn	28-01-1994		CVNV	39/60	23/30	Đạt			
102	NV0874	Trần Thị	Tuyền		30-06-1992	CVNV	32/60	24/30	Đạt			
103	NV0875	Trương Thị Phương	Tuyền		17-05-1995	CVNV	42/60	26/30	Đạt			
104	NV0880	Đoàn Kim	Vân		18-03-1991	CVNV	38/60	22/30	Đạt			
105	NV0882	Nguyễn Hoàng	Việt	05-07-1993		CVNV	37/60	25/30	Đạt			
106	NV0883	An Quốc	Việt	21-11-1994		CVNV	40/60	23/30	Đạt			
107	NV0884	Lê Bảo	Vinh	05-10-1989		CVNV	48/60	28/30	Đạt	Bàn 2	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Chủ Nhật, ngày 09/10/2022
108	NV0885	Trương Nguyễn Anh	Vũ	05-04-1993		CVNV	32/60	20/30	Đạt			
109	NV0887	Nguyễn Trần Khánh	Vy		02-02-1999	CVNV	32/60	27/30	Đạt			
110	NV0890	Võ Thị Ngọc	Xuân		01-01-1991	CVNV	48/60	29/30	Đạt			
111	NV0691	Nguyễn Ngọc Tú	Anh	15-05-1987		CVNV	24/60	0/30	Không đạt			
112	NV0702	Lê Văn	Điều	1979		CVNV	29/60	0/30	Không đạt			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
113	NV0706	Phạm Thị Dung		25-08-1993	CVNV	26/60	13/30	Không đạt			
114	NV0708	Đinh Quang Dũng	13-05-1998		CVNV	29/60	Miễn	Không đạt			
115	NV0711	Nguyễn Trọng Duy	04-03-1998		CVNV	23/60	Miễn	Không đạt			
116	NV0712	Phạm Thị Thùy Duyên		29-04-1997	CVNV	21/60	12/30	Không đạt			
117	NV0721	Nguyễn Thị Hoàng Hà		22-06-1994	CVNV	28/60	16/30	Không đạt			
118	NV0726	Nguyễn Võ Đình Hân	08-11-2000		CVNV	28/60	23/30	Không đạt			
119	NV0739	Nguyễn Hồng Thúy Hòa		03-03-1995	CVNV	28/60	25/30	Không đạt			
120	NV0784	Trần Thị Kim Ngân		08-01-1996	CVNV	28/60	27/30	Không đạt			
121	NV0787	Võ Thị Anh Nghi		31-08-1999	CVNV	25/60	24/30	Không đạt			
122	NV0795	Nguyễn Thị Tao Nhã		18-01-1997	CVNV	34/60	12/30	Không đạt			
123	NV0796	Trần Thị Thanh Nhân		24-05-1987	CVNV	29/60	27/30	Không đạt			
124	NV0798	Nguyễn Hoàng Nhân	07-01-1989		CVNV	28/60	Miễn	Không đạt			
125	NV0801	Dương Nguyễn Trúc Nhi		27-08-1995	CVNV	27/60	28/30	Không đạt			
126	NV0804	Đào Thị Quỳnh Như		29-7-1996	CVNV	28/60	23/30	Không đạt			
127	NV0809	Nguyễn Minh Phúc		01-06-1994	CVNV	20/60	24/30	Không đạt			
128	NV0810	Phạm Hà Hoàng Phúc	12-01-2000		CVNV	28/60	20/30	Không đạt			
129	NV0811	Nguyễn Thị Minh Phương		11-06-1995	CVNV	42/60	12/30	Không đạt			
130	NV0838	Lâm Văn Thương	06-12-1991		CVNV	26/60	13/30	Không đạt			
131	NV0839	Nguyễn Hoàng Hồng Thuy		16-10-1983	CVNV	27/60	22/30	Không đạt			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
132	NV0840	Nguyễn Đặng Phương Thúy		20-08-1987	CVNV	26/60	Miễn	Không đạt			
133	NV0845	Mai Văn Tiến	03-10-1991		CVNV	32/60	14/30	Không đạt			
134	NV0859	Phạm Đình Thanh Trúc		13-10-1992	CVNV	28/60	25/30	Không đạt			
135	NV0864	Phan Vũ Trường	25-08-1994		CVNV	26/60	17/30	Không đạt			
136	NV0867	Trần Châu Tuấn	21-03-1994		CVNV	27/60	0/30	Không đạt			
137	NV0868	Hà Nguyễn Minh Tuấn	22-06-2000		CVNV	26/60	25/30	Không đạt			
138	NV0879	Văn Thị Thúy Vân		04-05-1992	CVNV	28/60	15/30	Không đạt			
139	NV0881	Trần Sơn Việt	10-09-1993		CVNV	27/60	21/30	Không đạt			
140	NV0688	Phạm Tuấn Anh	10-10-1990		CVNV			Vắng			
141	NV0693	Hoàng Thị Tuyết Ánh		24-04-1989	CVNV			Vắng			
142	NV0694	Nguyễn Thị Như Cẩm		16-12-1986	CVNV			Vắng			
143	NV0695	Nguyễn Bảo Chân		13-03-2000	CVNV			Vắng			
144	NV0704	Nguyễn Đình Đức	04-03-1997		CVNV			Vắng			
145	NV0716	Lê Thị Hiếu Giang		04-11-1992	CVNV			Vắng			
146	NV0718	Nguyễn Trường Giang	01-01-1996		CVNV			Vắng			
147	NV0729	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		24-07-1993	CVNV			Vắng			
148	NV0734	Nguyễn Thị Thu Hiền		31-07-1992	CVNV			Vắng			
149	NV0736	Lưu Thị Tuyết Hoa		21-05-1992	CVNV			Vắng			
150	NV0737	Nguyễn Thị Hạnh Hoa		06-04-1992	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
151	NV0740	Nguyễn Duy	Hoài	23-10-1997		CVNV			Vắng			
152	NV0741	Lê Minh	Hoàng	09-02-1995		CVNV			Vắng			
153	NV0742	Hoàng Thị Thu	Hồng		03-02-1996	CVNV			Vắng			
154	NV0744	Trần Thị	Huế		22-07-1992	CVNV			Vắng			
155	NV0745	Trần Thị Thanh	Huệ		09-06-1990	CVNV			Vắng			
156	NV0746	Trần Thị Lan	Hương		12-09-1990	CVNV			Vắng			
157	NV0749	Nguyễn Huỳnh	Hương		25-06-1993	CVNV			Vắng			
158	NV0750	Trần Thị Giáng	Hương		10-02-1989	CVNV			Vắng			
159	NV0752	Nguyễn Minh	Huy	22-03-1993		CVNV			Vắng			
160	NV0753	Phạm Thu	Huyền		12-12-1992	CVNV			Vắng			
161	NV0754	Nguyễn Thị Thu	Huyền		04-12-1994	CVNV			Vắng			
162	NV0755	Nguyễn Thị	Huyền		08-04-1994	CVNV			Vắng			
163	NV0758	Trần Minh	Khôi	11-09-1992		CVNV			Vắng			
164	NV0759	Hà Thị Tổ	Khuyên		25-07-1979	CVNV			Vắng			
165	NV0763	Nguyễn Thị	Liều		26/08/1988	CVNV			Vắng			
166	NV0766	Lê Minh Trúc	Linh		20-09-1990	CVNV			Vắng			
167	NV0768	Nguyễn Thị Ngọc	Linh		15-10-1987	CVNV			Vắng			
168	NV0774	Vũ Hoàng	Mai		21-12-2000	CVNV			Vắng			
169	NV0780	Lê Thiện	Mỹ		08-06-1999	CVNV			Vắng			

Sup

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
170	NV0781	Bùi Thị Thanh Nga		13-07-1987	CVNV			Vắng			
171	NV0782	Hoàng Thúy Ngân		08-06-1996	CVNV			Vắng			
172	NV0785	Lê Thị Phương Ngân		01-08-1994	CVNV			Vắng			
173	NV0786	Nguyễn Phước Khánh Ngân		22-02-1999	CVNV			Vắng			
174	NV0790	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		26-12-1987	CVNV			Vắng			
175	NV0791	Nguyễn Minh Ngọc		28-11-1999	CVNV			Vắng			
176	NV0793	Ngô Thị Yến Ngọc		20-10-2000	CVNV			Vắng			
177	NV0799	Nguyễn Thanh Nhi		15-10-1988	CVNV			Vắng			
178	NV0800	Trần Cẩm Hoàng Nhi		24-03-1994	CVNV			Vắng			
179	NV0814	Trần Thị Bích Phượng		04-03-1983	CVNV			Vắng			
180	NV0815	Nguyễn Đăng Quân	09-06-1992		CVNV			Vắng			
181	NV0816	Trần Minh Quân	21-11-1990		CVNV			Vắng			
182	NV0817	Trương Minh Quang	06-11-1997		CVNV			Vắng			
183	NV0818	Huỳnh Thị Quí		02-06-1998	CVNV			Vắng			
184	NV0820	Nguyễn Thị Ánh Quyên		01-10-1992	CVNV			Vắng			
185	NV0821	Nguyễn Thị Thanh Tâm		05-07-1992	CVNV			Vắng			
186	NV0824	Cao Thị Yến Thanh		28-08-1993	CVNV			Vắng			
187	NV0827	Nguyễn Thị Thu Thảo		23-11-1989	CVNV			Vắng			
188	NV0835	Nguyễn Thị Thu		21-01-1995	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
189	NV0837	Phạm Ninh Thuận		19-09-1992	CVNV			Vắng			
190	NV0846	Nguyễn Đức Toàn	06-07-1989		CVNV			Vắng			
191	NV0849	Lê Ngọc Bảo Trân		03-04-1995	CVNV			Vắng			
192	NV0851	Nguyễn Dương Thùy Trang		08-05-1994	CVNV			Vắng			
193	NV0853	Nguyễn Diệu Trang		20-8-1994	CVNV			Vắng			
194	NV0858	Ngô Thị Mai Trinh		14-11-1992	CVNV			Vắng			
195	NV0866	Tô Thanh Tú	18-03-1996		CVNV			Vắng			
196	NV0869	Lê Nguyễn Việt Tuấn	01-03-1997		CVNV			Vắng			
197	NV0873	Nguyễn Tiến Tùng	20-11-1991		CVNV			Vắng			
198	NV0876	Bùi Thị Thanh Tuyền		03-08-1994	CVNV			Vắng			
199	NV0877	Nguyễn Lê Thu Uyên		24-01-2000	CVNV			Vắng			
200	NV0878	Nguyễn Thị Vân		02-09-1990	CVNV			Vắng			
201	NV0886	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	27-04-1998		CVNV			Vắng			
202	NV0888	Trần Nguyễn Thanh Vy		25-08-1998	CVNV			Vắng			
203	NV0889	Trần Thị Tường Vy		27-03-1995	CVNV			Vắng			

